

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1049/2024/DS-ST
Ngày: 20-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Thạnh;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 586/2023/TLST–DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 590/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần B;

Trụ sở: Tòa nhà H, số 4, đường N, Phường k, Quận l, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn T H, sinh năm 19xx. (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 19xx; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 8, đường T, phường B, quận B, Thành phố H.

Bà Bùi Thị T L, sinh năm 19xx; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 2, đường N, phường T, Quận j, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Võ Kim N, sinh năm 19xx; (có đơn xin vắng mặt)

Ông Bùi Ái Q, sinh năm 19xx; (vắng mặt)

Địa chỉ: số 2, đường N, phường T, Quận k, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2023; các Bản tự khai và tài liệu chứng cứ nộp cho Tòa án cùng với ý kiến tại các Biên bản trong quá trình giải quyết vụ án do Tòa án lập; nguyên đơn_Ngân hàng Thương mại Cổ phần B trình bày:

Ngày 16/8/2018, ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L có ký Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN ngày 16/8/2018 và Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC ngày 16/8/2018 vay tiền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B (sau đây gọi tắt là B), cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN ngày 16/8/2018:

Ông C và bà L vay 2.800.000.000 đồng; thời hạn vay: 120 tháng; lãi suất vay: 12,8%/năm cố định trong 03 tháng đầu và điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ 11/2018 được tính theo công thức: lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh của B + biên độ 4,5%/năm; mục đích vay: bổ sung mở rộng kinh doanh sản xuất bánh mì, bánh ngọt, heo quay, vịt quay các loại; phương thức trả nợ: trả vốn, lãi định kỳ vào ngày 26 hằng tháng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC ngày 16/8/2018:

Ông C và bà L vay 200.000.000 đồng; thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất vay: 21%/năm cố định trong 12 tháng đầu và điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày 23/08/2019 được tính theo công thức: lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng, lĩnh lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh của B + biên độ 14%/năm; mục đích vay: bổ sung mở rộng kinh doanh sản xuất bánh mì, bánh ngọt, heo quay, vịt quay các loại; phương thức trả nợ: trả vốn, lãi định kỳ vào ngày 26 hằng tháng với số tiền 4.000.000 đồng/tháng; kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 26/9/2018; kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày đến hạn với số tiền 12.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông C và bà L chỉ thanh toán 141.000.000 đồng vốn gốc và 1.436.752 đồng tiền lãi, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thoả thuận.

Ngày 08/4/2019, B chuyển toàn bộ khoản vay của Ông C và bà L sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 24/7/2024, Ông C và bà L còn nợ B tổng số tiền 5.572.312.633 đồng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN ngày 16/08/2018: nợ gốc: 2.791.000.000 đồng; nợ lãi

trong hạn: 1.725.468.169 đồng; nợ lãi quá hạn: 479.964.360 đồng; nợ lãi chậm trả lãi: 374.011.781 đồng; tổng cộng: 5.370.444.310 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC ngày 16/08/2018: nợ gốc: 68.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 53.394.508 đồng; nợ lãi quá hạn: 58.904.626 đồng; nợ lãi chậm trả lãi: 21.569.189 đồng; tổng cộng: 201.868.323 đồng.

Ngoài ra, B còn phát hành thẻ tín dụng Visa Platinum có số tài khoản 90058853xxx, hạn mức 100.000.000 đồng cho bà Bùi Thị T L theo Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 21/09/2018 kèm theo Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ theo quy định của B từng thời kỳ.

Quá trình sử dụng thẻ, bà L chỉ trả được 28.226.181 đồng nợ gốc và 16.467.715 đồng nợ lãi, tổng cộng là 44.693.896 đồng.

Tính đến 24/7/2024, dư nợ khoản thẻ tín dụng, gồm: nợ gốc là 91.773.819 đồng; nợ lãi quá hạn là 191.035.376 đồng; tổng cộng là 282.809.195 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên, ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L đã thế chấp cho B tài sản là Bất động sản tại thửa đất số: 68, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: 2 N, phường T, Quận k, Tp. H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00750 do UBND Quận j, Tp. H cấp ngày 20/04/2006, cập nhật tặng cho ngày 18/11/2016 cho bà Bùi Thị T L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0761/01918/01B.HĐTC.QSDĐ.X ngày 20/08/2018 được công chứng số: 018795, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký thế chấp ngày 21/08/2018 theo quy định pháp luật.

Ngày 11/4/2023, B có Thông báo số 665/2023/TB-BVB thực hiện thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay, nhưng Ông C và bà L không thực hiện nên khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Buộc Ông C và bà L thanh toán cho B tiền còn nợ tính đến ngày 24/7/2024 theo 02 Hợp đồng tín dụng là 5.572.312.633 đồng, cụ thể:

Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN ngày 16/08/2018 là 5.370.444.310 đồng, gồm: 2.791.000.000 đồng nợ gốc; 1.725.468.169 đồng nợ lãi trong hạn; 479.964.360 đồng nợ lãi quá hạn và 374.011.781 đồng nợ lãi chậm trả lãi.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC ngày 16/08/2018 là 201.868.323 đồng, gồm: 68.000.000 đồng nợ gốc; 53.394.508 đồng nợ lãi trong hạn; 58.904.626 đồng nợ lãi quá hạn và 21.569.189 đồng nợ lãi chậm trả lãi.

Ngoài ra, còn phải chịu thêm tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2024 theo mức lãi suất được quy định trong Hợp đồng tín dụng

từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN ngày 16/08/2018, Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC ngày 16/08/2018.

2. Buộc bà L thanh toán cho B tiền nợ thẻ tín dụng Visa Platinum số 90058853xxx tính đến ngày 24/07/2024 là 282.809.195 đồng, gồm: 91.773.819 đồng nợ gốc và 191.035.376 đồng nợ lãi quá hạn. Ngoài ra, bà L còn phải chịu thêm tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2024 theo mức lãi suất được quy định trong Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 21/09/2018.

3. Trường hợp Ông C và bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ toàn bộ các khoản nợ nêu trên thì B được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0761/01918/01B.HĐTC.QSĐĐ.X ngày 20/08/2018 để thu hồi nợ.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm nêu trên không đủ thanh toán hết nợ tại B thì Ông C và bà L vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho B.

5. Buộc Ông C và bà L phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình tố tụng.

Tại Bản tự khai ngày 22/7/2024 nộp cho Tòa án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan_bà Võ Kim N trình bày:

Bà N đang sinh sống trong căn nhà số 2, đường N, phường T, Quận j, Thành phố H; đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì đề nghị Tòa án xử lý theo qui định của pháp luật, bà N không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, do ông Nguyễn Văn C, bà Bùi Thị T L và ông Bùi Ái Q không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không thể ghi nhận được ý kiến của Ông C, bà L và ông Q.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu quan điểm: Tòa án vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án riêng các phần khác Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L, có nơi cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà N) có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Q) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của B về việc yêu cầu Ông C và bà L phải thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN ngày 16/08/2018 và Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC ngày 16/08/2018, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1.1] Về nợ vốn: Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN ngày 16/08/2018; Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC ngày 16/08/2018; các Giấy nhận nợ và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0761/01918/01B.HĐTC.QSDĐ.X ngày 20/08/2018, có cơ sở xác định:

Ngày 16/8/2018, ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L có vay và được B giải ngân số tiền 2.800.000.000 đồng (theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN) và 200.000.000 đồng (theo Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC); mục đích vay: bổ sung mở rộng kinh doanh sản xuất bánh mì, bánh ngọt, heo quay, vịt quay các loại; phương thức trả nợ: trả vốn, lãi định kỳ vào ngày 26 hằng tháng và trả vốn, lãi định kỳ vào ngày 26 hằng tháng với số tiền 4.000.000 đồng/tháng; kỳ trả nợ gốc đầu tiên là ngày 26/9/2018; kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày đến hạn với số tiền 12.000.000 đồng (đối với Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC).

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ông C và bà L đã thế chấp cho B tài sản là bất động sản tại thửa đất số: 68, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: 212/261 Nguyễn Văn Nguyễn, phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00750 do UBND Quận j, Tp. H cấp ngày 20/04/2006, cập nhật tặng cho ngày 18/11/2016 cho bà Bùi Thị T L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông C và bà L chỉ thanh toán được 141.000.000 đồng thì ngưng không thanh toán tiếp nên B khởi kiện yêu cầu Ông C và bà L trả tiền nợ vốn là có cơ sở; do đó cần chấp nhận yêu cầu và buộc

Ông C và bà L phải trả cho B tiền vốn còn nợ tính đến ngày xét xử (20/9/2024) đối với Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN là 2.791.000.000 đồng; đối với Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC là 68.000.000 đồng.

[2.1.2] Về nợ lãi: Do ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận và nợ lãi mà B yêu cầu bị đơn phải thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên theo Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN và Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 do đó cần xem xét chấp nhận, buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L phải thanh toán cho B nợ lãi tính đến ngày xét xử vụ án (20/9/2024); cụ thể như sau:

Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN là **2.671.847.773** đồng, gồm: 1.755.487.567 đồng nợ lãi trong hạn; 408.861.007 đồng nợ lãi quá hạn và 507.499.199 đồng nợ lãi chậm trả lãi.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC là **138.363.635** đồng, gồm: 53.394.508 đồng nợ lãi trong hạn; 62.551.480 đồng nợ lãi quá hạn và 22.417.647 đồng nợ lãi chậm trả lãi.

[2.1.3] Như vậy, tổng số tiền nợ vốn lãi của Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN, ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L phải trả cho B là 5.462.847.773 đồng;

Tổng số tiền nợ vốn lãi của Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC, ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L phải trả cho B là 206.363.635 đồng;

Thanh toán làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.1.4] Đối với yêu cầu của B về việc buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L phải thanh toán thêm tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký tính từ ngày 21/9/2024 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ; trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì B được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở, xét chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của B về việc yêu cầu bà L thanh toán nợ thẻ tín dụng Visa Platinum số 90058853xxx, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.2.1] Về nợ vốn: Xét, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp, gồm: Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 21/09/2018 kèm theo Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ theo quy định của B từng thời kỳ, có cơ sở xác định:

Với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 21/09/2018, bà L đã đề nghị và được B cấp thẻ tín dụng Visa Platinum số 90058853xxx có hạn mức 100.000.000 đồng. Đây là Hợp đồng vay tài sản thông qua hình thức sử dụng thẻ tín dụng nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân. Trong thời gian sử dụng thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch khác nhau nhưng chỉ thanh toán được 44.693.896 đồng, gồm 28.226.181 đồng nợ gốc và 16.467.715 đồng nợ lãi thì ngưng không thanh toán theo Tóm tắt sao kê do phía nguyên đơn nộp.

Tính đến ngày 20/9/2024, bà L còn nợ của B 91.773.819 đồng nợ vốn gốc. Xét, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã được các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 21/09/2018 nên yêu cầu khởi kiện của B về việc buộc bà L phải trả tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở; cần chấp nhận và buộc bà L phải trả cho B số tiền vốn còn nợ là 91.773.819 đồng.

[2.2.2] Về nợ lãi: Xét, nợ lãi mà B yêu cầu bà L thanh toán được xác định theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 21/09/2018 kèm theo Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ theo quy định của B từng thời kỳ kèm theo; thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 do đó cần xem xét chấp nhận, buộc bà L phải thanh toán cho B nợ lãi quá hạn tính đến ngày xét xử vụ án (20/9/2024) là 197.160.335 đồng.

[2.2.3] Như vậy, tổng số tiền bà L phải trả cho B là 288.934.154 đồng; bà L phải thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[2.2.4] Đối với yêu cầu của B về việc buộc bà L phải thanh toán thêm tiền lãi phát sinh theo Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ theo quy định của B từng thời kỳ tính từ ngày 21/9/2024 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ; trường hợp bà L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì B được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có cơ sở, xét chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- B không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần B:

1.1 Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L cùng trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B 5.669.211.408 (năm tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu hai trăm mười một nghìn bốn trăm lẻ tám) đồng, trong đó:

- Đối với Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN là 5.462.847.773 đồng, bao gồm: 2.791.000.000 đồng nợ vốn gốc và 2.671.847.773 đồng nợ lãi (1.755.487.567 đồng nợ lãi trong hạn; 408.861.007 đồng nợ lãi quá hạn và 507.499.199 đồng nợ lãi chậm trả lãi).

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC là 206.363.635 đồng, bao gồm: 68.000.000 đồng nợ vốn gốc và 138.363.635 đồng nợ lãi (53.394.508 đồng nợ lãi trong hạn; 62.551.480 đồng nợ lãi quá hạn và 22.417.647 đồng nợ lãi chậm trả lãi).

Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử nếu ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L chưa thanh toán khoản tiền nợ thì ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận của các bên tương ứng tại các Hợp đồng tín dụng từng lần khách hàng cá nhân số 0761/01918/TDTL-CN và Hợp đồng tín dụng số 0762/01918/HDTD.TC tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

1.2 Buộc bà Bùi Thị T L trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B tiền nợ thẻ tín dụng Visa Platinum số 90058853xxx là 288.934.154 (hai trăm tám mươi tám triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn một trăm năm mươi bốn) đồng, gồm: 91.773.819 đồng nợ vốn gốc và 197.160.335 đồng nợ lãi quá hạn.

Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử nếu bà Bùi Thị T L chưa thanh toán khoản tiền nợ thì bà Bùi Thị T L còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc theo thỏa thuận của các bên tại Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ tín dụng ngày 21/09/2018 kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng theo quy định của B từng thời kỳ tại thời điểm thi hành tương ứng với thời gian và khoản tiền chưa thi hành án.

1.3 Trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần B được quyền yêu cầu phát mãi các tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số: 68, tờ bản đồ số: 6, địa chỉ: 212/261 Nguyễn Văn Nguyễn, phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00750 do UBND Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 20/04/2006, cập nhật tặng cho ngày 18/11/2016 cho

bà Bùi Thị T L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của người khác số 0761/01918/01B.HĐTC.QSDĐ.X ngày 20/08/2018 được công chứng số: 018795, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD tại Phòng Công chứng số 1, Thành phố Hồ Chí Minh; đăng ký thế chấp ngày 21/08/2018 để thu hồi nợ.

1.4 Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thanh toán các khoản nợ của ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L thì Ông C và bà L vẫn phải tiếp tục nghĩa vụ trả hết nợ còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

2. Chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L phải trả 7.000.000 (bảy triệu) đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T L cùng chịu 113.669.211 (một trăm mười ba triệu sáu trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm mười một) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc bà Bùi Thị T L phải chịu 14.446.708 (mười bốn triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn bảy trăm lẻ tám) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nợ thế tín dụng.

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B 56.656.883 (năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi ba) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0026794 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Bình Tân;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *Lưu: HS + VT.*

Nguyễn Quốc Thái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái